



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI LABECO**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 27 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/07/2024 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 19.999.340.000 đồng.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thành Phố Tân An, Tỉnh Long An.
- Điện thoại: (84) 0272. 3825094
- Mail: sachtbthla@gmail.com

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kinh doanh thương mại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 06 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 05 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Trương Thanh Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/05/2024 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024 |
| • Ông Trần Việt Thắng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 29/11/2023 |
| | | Miễn nhiệm ngày 20/05/2024 |
| | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 20/05/2024 |
| • Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/11/2023 |
| • Bà Bùi Thị Vân Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2024 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

• Bà Phan Thị Diệu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Ông Nguyễn Văn Ngôi	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021
		Miễn nhiệm ngày 30/03/2024

Ban Kiểm soát

• Ông Cao Văn Bằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/04/2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Ông Đồng Hải Nam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/05/2022
		Miễn nhiệm ngày 30/03/2024
• Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Bà Tống Thị Thanh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024
• Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021
		Miễn nhiệm ngày 30/03/2024
• Ông Ngô Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
		Miễn nhiệm ngày 30/03/2024

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Đào Thị Kim Oanh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024
• Ông Ngô Văn Minh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2024
		Miễn nhiệm ngày 24/06/2024
• Ông Nguyễn Văn Ngôi	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023
		Miễn nhiệm ngày 19/03/2024
• Ông Bùi Văn Huỳnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023
• Bà Lê Thị Minh Trang	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023
• Bà Nguyễn Minh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 19/01/2024
• Bà Trần Thị Thanh Hường	Phó Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 10/05/2023
		Miễn nhiệm ngày 28/02/2024
• Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024
• Bà Nguyễn Thị Ngọc Nở	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05/04/2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Trần Thị Thúy Linh

Kế toán trưởng

Miễn nhiệm ngày 24/06/2024

Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2023

Miễn nhiệm ngày 19/03/2024

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 955/2024/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2024

11/07/24

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.547.307.213	21.629.346.706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.741.405	556.731.749
1. Tiền	111	5	14.741.405	556.731.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.648.984.270
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	5.812.230.640
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(163.246.370)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.504.656.268	515.253.214
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.604.656.268	141.535.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.900.000.000	77.517.433
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	296.200.052
IV. Hàng tồn kho	140		-	14.827.740.588
1. Hàng tồn kho	141		-	14.827.740.588
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.909.540	80.636.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8.a	27.833.984	80.636.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.556	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.508.139.903	4.752.173.247
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.437.270.198	4.563.735.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.379.641.596	3.482.247.658
- Nguyên giá	222		3.928.406.419	6.209.913.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.548.764.823)	(2.727.666.147)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.057.628.602	1.081.487.458
- Nguyên giá	228		1.566.266.805	1.566.266.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(508.638.203)	(484.779.347)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		99.636.364	99.636.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		99.636.364	99.636.364
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.950.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	9.950.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.233.341	88.801.767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8.b	21.233.341	88.801.767
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		23.055.447.116	26.381.519.953

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.000.000	2.560.303.744
I. Nợ ngắn hạn	310		-	2.530.303.744
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	1.591.648.505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	36.072.799
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	-	158.035.319
4. Phải trả người lao động	314		-	730.858.140
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	13.688.981
II. Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	30.000.000	30.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.025.447.116	23.821.216.209
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	23.025.447.116	23.821.216.209
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	14	19.999.340.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.999.340.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	14	363.351.953	363.351.953
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	14	258.207.741	179.928.732
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	14	2.404.547.422	3.278.595.524
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.090.725.903	1.713.015.349
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(686.178.481)	1.565.580.175
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		23.055.447.116	26.381.519.953



Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	15	15.993.577.528	43.790.303.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	17.527.480	98.055.496
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		15.976.050.048	43.692.247.936
4. Giá vốn hàng bán	11	17	15.789.562.692	39.878.961.684
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		186.487.356	3.813.286.252
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	10.102.270	340.536.750
7. Chi phí tài chính	22	19	78.518.609	77.323.357
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	148.667.613
8. Chi phí bán hàng	25	20.a	428.041.830	2.377.081.292
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.b	391.555.072	999.521.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(701.525.885)	699.896.364
11. Thu nhập khác	31	21	30.239.478	60.974
12. Chi phí khác	32	22	4.009.574	77.771.048
13. Lợi nhuận khác	40		26.229.904	(77.710.074)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(675.295.981)	622.186.290
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	10.882.500	163.637.258
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(686.178.481)	458.549.032



Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(675.295.981)	622.186.290
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9;10	130.675.296	190.353.564
- Các khoản dự phòng	03		(163.246.370)	457.928.119
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	18;21	(12.252.270)	(3.187.085)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		(720.119.325)	1.267.280.888
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.093.688.988)	(7.863.383.301)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.827.740.588	(8.534.261.666)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.446.059.585)	14.883.207.745
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		120.371.327	(107.239.967)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		5.812.230.640	337.745.622
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(81.437.678)	(88.195.597)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(123.279.593)	(89.298.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.295.757.386	(194.145.041)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(4.890.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(50.000.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	11	(9.950.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18	2.252.270	3.187.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.837.747.730)	(46.812.915)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(541.990.344)	(240.957.956)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	556.731.749	1.111.663.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.741.405	870.705.959



Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Labeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 27 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/07/2024 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kinh doanh thương mại.

1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, chuyển giao hoạt động kinh doanh sách và thiết bị trường học cho Công ty con là Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 Công ty con và 01 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An.
- Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh TP Hồ Chí Minh – Công ty CP Đầu tư và Thương mại Labeco (thành lập ngày 04/07/2024)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25

4.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	8

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng.

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Thiết bị giáo dục và sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - Văn phòng phẩm, ấn phẩm: Áp dụng thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024, Công ty áp dụng mức thuế suất 8% đối với các mặt hàng này theo Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	2.834.388	93.074.559
Tiền gửi ngân hàng	11.907.017	460.357.190
Tiền đang chuyển	-	3.300.000
Cộng	14.741.405	556.731.749

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An (Bên liên quan)	4.600.747.267	-
Các đối tượng khác	3.909.001	141.535.729
Cộng	4.604.656.268	141.535.729

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons (Bên liên quan)(*)	4.890.000.000	-
Công ty CP Thẩm định giá Thành Đô	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	-	67.517.433
Cộng	4.900.000.000	77.517.433

(*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons theo hợp đồng thi công xây dựng số 0401/LBE-IC/2024 ngày 04/01/2024 và các phụ lục hợp đồng về thi công xây dựng văn phòng (Đại diện pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons là người có quan hệ gia đình mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty).

8. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Lập trình và xây dựng trang Website	7.583.334	-
Tiền thuê đất	20.250.650	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	80.636.885
Cộng	27.833.984	80.636.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Phí Dịch vụ Cloud Server	21.233.341	-
Chi phí trả trước khác	-	88.801.767
Cộng	21.233.341	88.801.767

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	4.383.330.962	356.791.733	1.469.791.110	6.209.913.805
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	165.643.273	356.791.733	1.469.791.110	1.992.226.116
Giảm trong kỳ	289.281.270	-	-	289.281.270
Số cuối kỳ	3.928.406.419	-	-	3.928.406.419
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.794.197.453	148.663.199	784.805.495	2.727.666.147
Khấu hao trong kỳ	82.498.734	4.955.447	19.362.259	106.816.440
Giảm trong kỳ	289.281.270	-	-	289.281.270
Thanh lý, nhượng bán	38.650.094	153.618.646	804.167.754	996.436.494
Số cuối kỳ	1.548.764.823	-	-	1.548.764.823
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	2.589.133.509	208.128.534	684.985.615	3.482.247.658
Số cuối kỳ	2.379.641.596	-	-	2.379.641.596

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ tại ngày 30/06/2024.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 193.303.696 đồng.

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023 đã chấp nhận giao các Bất động sản của Công ty cho Công ty con là Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn bàn giao: 10 năm kể từ ngày bàn giao. Theo đó, ngày 31/12/2023, Công ty đã tiến hành bàn giao các tài sản sau cho Công ty con:

- Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An.
- Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tên tài sản	01/01/2024		Khấu hao trong kỳ	30/06/2024	
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế
Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng	1.948.669.031	1.088.566.381	29.321.681	1.659.387.761	828.606.792
Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực	1.850.666.804	339.288.913	37.013.336	1.850.666.804	376.302.249
Nhà làm việc tại Cửa hàng Châu Thành	418.351.854	333.213.515	10.642.292	418.351.854	343.855.807
Tổng cộng	4.217.687.689	1.761.068.809	76.977.310	3.928.406.419	1.548.764.849

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.410.266.805	156.000.000	1.566.266.805
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	1.410.266.805	156.000.000	1.566.266.805
Khấu hao			
Số đầu kỳ	434.404.347	50.375.000	484.779.347
Khấu hao trong kỳ	14.108.856	9.750.000	23.858.856
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	448.513.203	60.125.000	508.638.203
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	975.862.458	105.625.000	1.081.487.458
Số cuối kỳ	961.753.602	95.875.000	1.057.628.602

(*) Quyền sử dụng 903,3 m2 đất tại Thị trấn Tầm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An thời hạn sử dụng đất đến ngày 10/01/2058. Mục đích: mở cửa hàng sách, thiết bị trường học. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã thực hiện bàn giao cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (Công ty con) để quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn bàn giao: 10 năm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Đầu tư vào Công ty con

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	30/06/2024		01/01/2024	
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Đang hoạt động	99,50%	995.000	9.950.000.000	-	-	-
Cộng				9.950.000.000	-	-	-

Cổ phiếu của Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 cho thấy Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An không có lỗ lũy kế nên Công ty không trích lập dự phòng.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	62.719.890	646.376.004	709.095.894	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	70.555.178	10.882.500	81.437.678	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.760.251	4.521.731	29.281.982	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	41.769.533	41.769.533	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.985.970	3.985.970	-	-
Cộng	-	158.035.319	713.535.738	871.571.057	-	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	30.000.000	30.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	11.000.000.000	3.850.797.710	3.346.488.559	4.248.488.866
Tăng trong năm	8.999.340.000	-	107.242.215	1.565.580.175
Giảm trong năm	-	3.487.445.757	3.273.802.042	2.535.473.517
Số dư tại 31/12/2023	19.999.340.000	363.351.953	179.928.732	3.278.595.524
Số dư tại 01/01/2024	19.999.340.000	363.351.953	179.928.732	3.278.595.524
Tăng trong kỳ	-	-	78.279.009	(686.178.481)
Giảm trong kỳ	-	-	-	187.869.621
Số dư tại 30/06/2024	19.999.340.000	363.351.953	258.207.741	2.404.547.422

b. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.999.934	1.999.934
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	1.999.934	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	3.278.595.524	4.248.488.866
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(686.178.481)	458.549.032
Phân phối lợi nhuận	187.869.621	2.535.473.517
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	187.869.621	2.535.473.517
- Trích quỹ đầu tư phát triển	78.279.009	107.242.215
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	109.590.612	150.139.101
- Chia cổ tức	-	2.278.092.201
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	2.404.547.422	2.171.564.381

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 18/NQ-STBTH ngày 30/03/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu sách giáo khoa và sách tham khảo	10.089.944.925	37.896.884.170
Doanh thu thiết bị giáo dục	1.331.892.107	1.077.019.195
Doanh thu khác	4.571.740.496	4.816.400.067
Cộng	15.993.577.528	43.790.303.432

16. Giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Hàng bán bị trả lại	17.527.480	98.055.496
Cộng	17.527.480	98.055.496

17. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn sách giáo khoa và sách tham khảo	9.990.083.490	34.868.039.169
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.302.025.223	903.378.947
Giá vốn khác	4.497.453.979	4.107.543.568
Cộng	15.789.562.692	39.878.961.684

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	152.270	1.087.085
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.100.000	2.100.000
Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được, lãi bán chứng khoán	7.850.000	337.349.665
Cộng	10.102.270	340.536.750

19. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí lãi vay	-	148.667.613
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(163.246.370)	(71.344.256)
Lỗ từ bán chứng khoán	241.764.979	-
Cộng	78.518.609	77.323.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	235.713.668	1.405.792.538
Chi phí khác	192.328.162	971.288.754
Cộng	428.041.830	2.377.081.292

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	121.074.304	468.066.150
Các khoản khác	270.480.768	531.455.839
Cộng	391.555.072	999.521.989

21. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	82.916	60.974
Thu nhập thanh lý tài sản	10.000.000	-
Thu nhập khác	20.156.562	-
Cộng	30.239.478	60.974

22. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	-	77.500.000
Truy thu thuế, phạt vi phạm hành chính về thuế	3.985.970	247.410
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	23.604	23.638
Cộng	4.009.574	77.771.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(675.295.981)	622.186.290
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	132.781.329	196.000.000
- Điều chỉnh tăng	134.881.329	198.100.000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	24.000.000	72.000.000
+ Chi phí khác	110.881.329	126.100.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	2.100.000	2.100.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(542.514.652)	818.186.290
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.882.500	163.637.258
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	163.637.258
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	10.882.500	-

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nhân công	356.787.972	1.873.858.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.675.296	190.353.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.652.866	780.935.190
Chi phí khác bằng tiền	270.480.768	531.455.839
Cộng	819.596.902	3.376.603.281

25. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Long An, Việt Nam.

26. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Các khoản vay của Công ty là ngắn hạn, đều có lãi suất ổn định và thường được trả theo kế hoạch cụ thể. Do đó Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá Công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các mặt hàng hóa phục vụ giáo dục này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các phòng giáo dục, cửa hàng, đại lý kinh doanh sách và thiết bị trường học. Đây là các khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời. Riêng các cửa hàng bán lẻ của Công ty bán hàng thu tiền ngay. Do đó Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả khác	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	-	30.000.000	30.000.000
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.591.648.505	-	1.591.648.505
Phải trả khác	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	1.591.648.505	30.000.000	1.621.648.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.741.405	-	14.741.405
Phải thu khách hàng	4.604.656.268	-	4.604.656.268
Cộng	4.619.397.673	-	4.619.397.673
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	556.731.749	-	556.731.749
Đầu tư tài chính	5.648.984.270	-	5.648.984.270
Phải thu khách hàng	141.535.729	-	141.535.729
Phải thu khác	296.200.052	-	296.200.052
Cộng	6.643.451.800	-	6.643.451.800

27. Các bên liên quan

a. Thông tin về bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Công ty con Doanh nghiệp có người đại diện pháp luật là người có quan hệ gia đình với thành viên quản lý chủ chốt

b. Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Bán hàng hóa	14.836.476.019	-
	Bán tài sản cố định	1.005.789.622	-
	Bán công cụ dụng cụ	116.094.348	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Ứng tiền xây dựng	4.890.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan				6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Ông Trương Thanh Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/05/2024	Thù lao	-	-
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/05/2024	Thù lao	12.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngòi	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 20/05/2024			
	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	6.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	48.190.075	90.574.904
	Thành viên HĐQT		Thù lao	12.000.000	-
Bà Bùi Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Bà Phan Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	-	-
	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Cao Văn Bằng	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Đồng Hải Nam	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	4.500.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Bà Tống Thị Thanh Nga	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	-
Ông Trần Minh Đức	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	3.000.000	6.000.000
Ông Ngô Văn Minh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	-	-
		Miễn nhiệm ngày 24/06/2024			
Ông Bùi Văn Huỳnh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	3.000.000	6.000.000
	Phó Giám đốc		Lương, thưởng	14.974.826	84.470.984
Bà Lê Thị Minh Trang	Phó Giám đốc		Lương, thưởng	12.223.919	62.943.476
Bà Nguyễn Minh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 19/01/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Trần Thị Thanh Hương	Phó Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nở	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05/04/2024	Lương, thưởng	-	-
		Miễn nhiệm ngày 24/06/2024			
Bà Trần Thị Thúy Linh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	43.119.816	81.097.790

(*) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty thống nhất không nhận thù lao của Quý 2 năm 2024.

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phó Chủ tịch HĐQT

Trần Việt Thắng

Long An, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương